

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 01/08/2025
V/v: không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lại

2. Ông Hoàng Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 101/2025/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2025 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh), giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Công Đ sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn XM, phường TL, tỉnh BN; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn YVi, phường; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị anh Nguyễn Công Đ trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị T tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, kết hôn với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1999. Sau khi tổ chức lễ cưới thì anh và chị Thắm chung sống với nhau như vợ chồng tại Yên Viên, Văn Hà, Việt Yên, Bắc Giang, hai bên sống chung với nhau nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 03 con chung, quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên đã xảy

ra mâu thuẫn, trầm trọng là vào năm 2007 vợ chồng bất đồng về cách sống, cách làm ăn dẫn đến việc thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh và chị Thắm đã cùng gia đình nhiều lần nói chuyện, khuyên bảo tuy nhiên mâu thuẫn giữa hai bên không được giải quyết nên đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay không quan tâm, không liên lạc với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: anh và chị Thắm có ba con chung là Nguyễn Công T1, sinh năm 2002; Nguyễn Thị T2, sinh năm 2000 và Nguyễn Công C, sinh năm 2004; hiện các con chung đã trên 18 tuổi, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử : Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị T. Về án phí: Anh Nguyễn Công Đ phải chịu 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, anh Nguyễn Công Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực - 2, Bắc Ninh) giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị T. Anh Định khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị T được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc do

đó Tòa án không lấy được lời khai của chị T, tại phiên tòa vắng mặt lần hai do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Định, chị T.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đ, chị T không đăng ký kết hôn, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, UBND xã Vân Hà cung cấp xác định anh Đ, chị T chung sống như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Vân Hà; anh Đ, chị T sống chung đến năm 2007 thì ly thân từ đó đến nay; đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn; Hội đồng xét xử thấy rằng xác mâu thuẫn giữa anh Đ, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài anh Đ, chị T đã sống ly thân đã lâu không còn quan hệ tình cảm, nên chấp nhận yêu không công nhận vợ chồng của anh Đ theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh Đ, chị T có ba con chung là Nguyễn Công T1, sinh năm 2002; Nguyễn Thị T2, sinh năm 2000 và Nguyễn Công C, sinh năm 2004; hiện các con chung đều trên 18 tuổi, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: các đương sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Công Đ và chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Công Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001622 ngày 31 tháng 3 năm

2025, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Vân Hà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

